

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 19-3-2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân

2. Bà Pang Ting Suy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 394/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị T1, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 666, đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị T1 vào năm 2008, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi

theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T1 xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của anh và gia đình anh, anh đã góp ý thì ban đầu chị T1 có hứa sẽ sửa chữa nhưng thực tế chị T1 không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh đã tạo điều kiện cho chị T1 cơ hội sửa chữa nhiều lần nhưng chị T1 không thay đổi mà vẫn tiếp tục có những lời nói khó nghe, xúc phạm anh nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Anh và chị T1 đã sống ly thân đến nay gần 02 năm, trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị T1 nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với **chị T1**. Về con chung anh T xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Điền K, sinh ngày 09/6/2009; Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 26/12/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là cháu V và cháu K, giao cháu Th cho chị T1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung anh T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Đỗ Thị T1 trình bày: Chị xây dựng gia đình và kết hôn với anh T như anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 08 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo cho gia đình, ngoại tình, vợ chồng xảy ra xô xát nhiều lần, việc xô xát chị cũng đã báo Công an giải quyết đồng thời anh T còn xúc phạm gia đình chị. Hai bên gia đình đã hàn gắn tình cảm cho vợ chồng anh chị nhưng không thành. Hiện anh chị đã sống ly thân đến nay được gần 02 năm, trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm. Nay anh T yêu cầu ly hôn, bản thân chị xác định không còn tình cảm với anh T, không tiếp tục chung sống được với anh T nữa nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh T. Nếu anh T đồng ý giao con cho chị nuôi thì chị sẽ đồng ý ly hôn. Về con chung chị T1 xác định vợ chồng có 03 con chung như anh T trình bày là đúng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả 03 con, chị không đồng ý giao cháu V và cháu K cho anh T nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/tháng cho cả 03 con. Về tài sản chung chị T1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị T1 không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T1 vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết

quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho chị T1 nhưng chị T1 không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T1. Về con chung: đề nghị giao cả ba con chung là Nguyễn Điền K; Nguyễn Đỗ Tường V và Nguyễn Thị Bảo Th cho chị T1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cả ba cháu là 3.000.000đồng/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung các đương sự xác định không yêu cầu, về nợ chung các đương sự xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đình Văn vào ngày 18/12/2008. Quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên anh T làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, do tính cách của chị T1 quá dữ dằn, thường có những lời nói, hành động xúc phạm anh và gia đình anh. Anh T xác định không còn tình cảm với chị T1 nên anh giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Cũng tại phiên tòa, chị T1 xác định không còn tình cảm với anh T nên chị T1 đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên hay cãi nhau. Mỗi lần cãi nhau thì chị T1 không khéo trong cách xử sự nên trong những lúc nóng giận thường có những lời lẽ, hành động xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau thậm chí dẫn đến việc vợ chồng xô xát yêu cầu Công an thị trấn Đình Văn giải quyết. Do không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà ngược lại mỗi

lần gặp mặt là lại cãi nhau, xúc phạm nhau. Qua xác minh tại địa phương thì được biết gia đình và địa phương cũng đã can thiệp hàn gắn tình cảm cho anh T chị T1 nhưng không được, hiện anh chị đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án chị T1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng chị T1 chỉ đồng ý ly hôn khi anh T giao cả ba con cho chị nuôi dưỡng, tại phiên tòa hôm nay chị cũng Thúc đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T vì chị T1 cũng xác định không còn tình cảm với anh T. Vì vậy, nếu cứ tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử cho anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị T1 được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2]. Về con chung: Anh T và chị T1 có 03 con chung là Nguyễn Điền K, sinh ngày 09/6/2009; Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 26/12/2017. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cháu K và cháu V, đề nghị giao cháu Th cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Còn chị T1 không đồng ý giao con cho anh T nuôi, chị yêu cầu được nuôi cả ba con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự tuy nhiên việc xem xét giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cần phải đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự. Quá trình giải quyết vụ án qua xác minh tại địa phương thì được biết chị T1 hiện nay bán bánh mỳ có thu nhập ổn định và đang sống cùng bố mẹ nên có nơi ở ổn định, được sự hỗ trợ từ ông bà ngoại về việc chăm con. Còn anh T hiện nay đi ở nhà trọ, hay tập trung ăn nhậu nên về chỗ ở và điều kiện nuôi con đều không đảm bảo bằng chị T1. Ngoài ra, cháu K và cháu V đều đã trên 07 tuổi và cùng có nguyện vọng được ở với chị T1 còn cháu Th còn nhỏ lại là con gái cũng cần sự chăm sóc của mẹ. Đồng thời, từ khi vợ chồng ly thân thì cả ba cháu vẫn sống cùng với chị T1, do chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu đều được đi học, phát triển bình thường. Do đó để đảm bảo tâm lý ổn định cho trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả ba con là Nguyễn Điền K; Nguyễn Đỗ Tường V và Nguyễn Thị Bảo Th cho chị T1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/ 1 tháng cho cả ba cháu. Xét thấy, yêu cầu trên của chị T1 là chính đáng nhưng xét hiện nay anh T đi làm thuê, ở nhà trọ nên mức yêu cầu cấp dưỡng của chị T1 là cao so với

thu nhập của anh T. Vì vậy, cần buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cả ba cháu là 2.400.000đồng/ 1 tháng.

[3]. Về tài sản chung các đương sự xác định tự thỏa thuận, về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh T, xử cho anh Nguyễn Thanh T và chị Đỗ Thị T1 được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cả ba con là Nguyễn Điền K, sinh ngày 09/6/2009; Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 05/02/2014 và Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 26/12/2017 cho chị Đỗ Thị T1 có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cả ba cháu là 2.400.000đồng/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014876 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, còn lại anh T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (19/3/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp T² Đình Văn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh